

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

QUÝ II NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết th
điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi
dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phi
tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.
Trường Tiểu học THSP Ngụy Như Kon Tum, công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sá
2026 như sau:

Đơn 1

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II/2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	1.958	456	23,3%
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
3	Khác	1.958	456	23,3%
3.1	Học phí	-	-	#DIV/0!
3.2	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	1.958	456	23,3%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
1	Chi sự nghiệp GDDT	1.958	456	23,3%
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.958	456	23,3%
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí ...			
	Phí...			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.861	4.561	21,9%

I	Nguồn ngân sách trong nước	20.861	4.561	21,9%
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>			
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	20.861	4.561	21,9%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.461	4.190	21,5%
3.1.1	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	16.668	4.004	24,0%
3.1.2	Chi hoạt động, trong đó:	2.793	186	6,6%
	- Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	1.947	264	13,6%
	- Chi hoạt động tăng cường CSVC	846	-	0,0%
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.400	372	26,5%
3.2.1	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	-	-	#DIV/0!
3.2.2	Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	-	-	#DIV/0!
3.2.3	Chi đầu tư CSVC	1.400	372	26,5%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			

8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			

ĐỀ SỐ 75

ii hành một số

tiết và hướng
ủ quy định chi

ch quý II năm

vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]